TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04/5/2023
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Yến

2. Bà Đặng Thị Mỹ Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Kiều Văn Liêu – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 132/2023/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 03 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 12 tháng 04 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số v, khu vực Th, phường T, quận T1, thành phố Cần Thơ.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Tiến V – Văn phòng luật sư Trần Tiến V thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang.

Địa chỉ: Số A, đường H, khóm Đ, phường Đ2, thành phố L, tỉnh An Giang. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Võ Trí Th, sinh năm 1985.

Địa chỉ nơi làm việc: Công ty TNHH MTV Chế biến T S@V (ông Th là Ca trưởng thành phẩm). Số V, đường H, KCN M, khóm M1, phường M2, TP L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Bà và ông Th do mai mối tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Th, thành phố Cần Thơ, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 124 ngày 01/8/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà D và ông Th có nhiều bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vả, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Bà đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không tốt hơn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ông Th đã ra ngoài sống từ khoảng tháng 3 năm 2022 đến nay. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Th.

Về quan hệ con chung: Có 03 con chung tên Võ Nguyễn Th V, sinh ngày 13/09/2011; Võ Nguyễn Đăng K sinh ngày 14/03/2013 và Võ Nguyễn Hải Đ sinh ngày 25/02/2021. Hiện nay các cháu đang sống cùng với bà, bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu và không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Võ Trí Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Ông và bà D do mai mối tiến đến hôn nhân. Cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, cãi vả nhưng ông không đồng ý ly hôn. Ông sống bên gia đình vợ nên không được tôn trọng, vợ ông nhiều lần đuổi ông ra khỏi nhà, khoảng tháng 3 năm 2022 trong lúc nóng giận ông đã bỏ đi, nhiều lần ông năn nỉ vợ nhưng không được chấp nhận.

Về con chung: Có 03 con chung tên Võ Nguyễn Th V, sinh ngày 13/09/2011; Võ Nguyễn Đăng K sinh ngày 14/03/2013 và Võ Nguyễn Hải Đ sinh ngày 25/02/2021. Bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung thì ông không phải cấp dưỡng nuôi con do bà D không yêu cầu. Nếu bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì ông xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu bà D cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Mâu thuẫn giữa bà D và ông Th đã trầm trọng, ông bà không còn sống chung; các con chung đang sống ổn định với bà D và có nguyện vọng tiếp tục sống với bà D. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D; bà D được ly hôn với ông Th; bà D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, ông Th không phải cấp dưỡng do bà D không yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của bà D là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận bà D được ly hôn với ông Th; bà D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Võ Nguyễn Th Vy, sinh ngày 13/09/2011; Võ Nguyễn Đăng Khôi sinh ngày 14/03/2013 và Võ Nguyễn Hải Đăng sinh ngày 25/02/2021, ông Th không phải cấp dưỡng nuôi con do bà D không yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Kim D và ông Võ Trí Th là tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Căn cứ khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự đối với vụ án hôn nhân và gia đình liên quan đến người chưa thành niên phải tiến hành biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp. Tòa án đã tiến hành biện pháp lấy lời khai làm rõ nguyên nhân phát sinh tranh chấp.

[2] Về quan hệ hôn nhân và gia đình:

[2.1] Hôn nhân giữa bà D và ông Th do mai mối tiến đến hôn nhân, không vi phạm điều cấm của Luật Hôn nhân và gia đình, đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Bà D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Th, căn cứ để bà yêu cầu do tính tình không hòa hợp, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm, vợ chồng đã ly thân từ khoảng tháng 3 năm 2022 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Ông Th trình bày cuộc sống vợ chồng cũng có nhiều mâu thuẫn do ông sống bên gia đình vợ, gia đình vợ thiếu tôn trọng ông, vợ ông nhiều lần đuổi ông ra khỏi nhà, trong lúc nóng giận, cãi vả ông đã bỏ đi. Tuy nhiên, ông Th vẫn còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy, qua trình bày của bà D và ông Th, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, các bên không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, các bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của

vợ chồng theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà D là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung và cấp dưỡng: Có 03 con chung tên Võ Nguyễn Th V sinh ngày 13/09/2011; Võ Nguyễn Đăng K sinh ngày 14/03/2013 và Võ Nguyễn Hải Đ sinh ngày 25/02/2021. Sau khi ly hôn bà D yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu và không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, các cháu đang có cuộc sống ổn định cùng bà D và có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng bà D. Do đó, cần ổn định cuộc sống của các cháu, tránh xáo trộn ảnh hưởng đến tâm lý và việc học tập của các cháu. Đồng thời, ông Th hiện đang ở khu tập thể của Công ty TNHH MTV Chế biến T S@V, không đảm bảo điều kiện chăm sóc các cháu. Do đó, cần để bà D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, ông Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà D không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xét đến.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà D có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 19; Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn Nhân và Gia Đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân và gia đình:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim D. Bà Nguyễn Thị Kim D được ly hôn với ông Võ Trí Th.

Giấy chứng nhận kết hôn số 124 ngày 01/8/2011 do UBND phường T, quận Th, thành phố Cần Thơ cấp không còn giá trị pháp lý.

[2] Về quan hệ con chung và cấp dưỡng:

Có 03 con chung tên Võ Nguyễn Th V sinh ngày 13/09/2011; Võ Nguyễn Đăng K sinh ngày 14/03/2013 và Võ Nguyễn Hải Đ sinh ngày 25/02/2021. Sau

khi ly hôn, bà D được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung, ông Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà D không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà D có trách nhiệm nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001469 ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

[5] Về quyền kháng cáo:

Bà D, ông Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(*Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án*)

Nơi nhận:
- Các đương sự "Để thi hành";
- VKSND – TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- UBND đã đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Quốc Việt